

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		934.605.863.137 ✓	578.110.407.606
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	43.425.538.869	25.502.815.111
111	1. Tiền		43.425.538.869 ✓	25.502.815.111
130	II Các khoản phải thu ngắn hạn		428.823.519.098 ✓	339.679.997.858
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	443.581.540.820 ✓	345.650.623.244
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		7.756.628.787 ✓	10.074.423.298
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	10.894.481.689 ✓	17.364.083.514
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(33.409.132.198)	(33.409.132.198)
140	III Hàng tồn kho	8	435.635.403.756	200.543.434.511
141	1. Hàng tồn kho		435.635.403.756 ✓	200.543.434.511
150	IV Tài sản ngắn hạn khác		26.721.401.414 ✓	12.384.160.126
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	3.956.698.781 ✓	7.670.984.636
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		22.764.702.633 ✓	4.713.175.490 ✓
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		488.414.309.609 ✓	509.175.931.761
210	I Các khoản phải thu dài hạn		120.000.000.000	130.000.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	13	120.000.000.000 ✓	130.000.000.000
220	II Tài sản cố định		209.677.531.279 -	242.655.370.663
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	194.526.769.729 -	227.330.415.313
222	- Nguyên giá		412.490.145.184 -	419.760.486.019
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(217.963.375.455) -	(192.430.070.706)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	15.150.761.550 -	15.324.955.350
228	- Nguyên giá		18.322.489.829 -	18.322.489.829
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.171.728.279) -	(2.997.534.479)
240	III Tài sản dở dang dài hạn		46.127.591.120 -	26.815.009.675
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	46.127.591.120 -	26.815.009.675
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	97.614.854.375 -	93.228.709.584
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		97.614.854.375 -	93.228.709.584
260	V Tài sản dài hạn khác		14.994.332.835 ✓	16.476.841.839
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	14.994.332.835 ✓	16.476.841.839
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.423.020.172.746 ✓	1.087.286.339.367



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		880.159.916.510	557.950.615.425
310	I Nợ ngắn hạn		845.148.677.960	520.357.656.875
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	223.421.293.022	129.778.614.325
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.367.521.958	2.721.519.663
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	4.927.778.248	7.056.218.134
314	4. Phải trả người lao động		10.661.675.479	8.441.972.289
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	4.468.348.219	2.738.540.710
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	548.892.731	1.153.443.636
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	36.906.514.402	924.101.047
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	554.935.158.188	358.565.831.358
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.911.495.713	8.977.415.713
330	II Nợ dài hạn		35.011.238.550	37.592.958.550
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	20.531.334.700	20.213.054.700
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	14.479.903.850	17.379.903.850
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		542.860.256.236	529.335.723.942
410	I Vốn chủ sở hữu	20	542.860.256.236	529.335.723.942
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		375.997.100.000	375.997.100.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		375.997.100.000	375.997.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		67.810.722.053	67.810.722.053
415	3. Cổ phiếu quỹ		(15.990.198.846)	(15.990.198.846)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		23.960.752.124	23.960.752.124
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		372.666.308	372.666.308
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		90.639.343.472	77.123.310.753
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		41.120.000.753	39.845.962.426
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ này		49.519.342.719	37.277.348.327
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		69.871.125	61.371.550
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.423.020.172.746	1.087.286.339.367


 Nguyễn Thị Thúy
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Hữu Thế
 Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 27 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2016	Từ 01/04/2015	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/06/2016	đến 30/06/2015	đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.047.389.448.657	897.389.216.845	2.216.081.359.965	1.674.247.436.871
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	5.406.309.574	4.830.853.486	13.695.786.060	6.963.261.828
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.041.983.139.083	892.558.363.359	2.202.385.573.905	1.667.284.175.043
11	4. Giá vốn hàng bán	23	977.954.784.686	846.476.795.824	2.071.525.379.872	1.598.072.946.104
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		64.028.354.397	46.081.567.535	130.860.194.033	69.211.228.939
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	6.990.147.733	4.270.541.805	7.018.417.085	9.386.819.701
22	7. Chi phí tài chính	25	5.582.668.620	9.756.839.202	14.189.874.401	21.510.778.811
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		5.578.077.393	9.665.581.640	14.185.283.174	21.316.270.407
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1.886.069.759	1.891.498.959	4.386.144.791	1.891.498.959
25	9. Chi phí bán hàng	26	28.041.195.330	13.425.167.659	52.289.020.694	23.992.502.297
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	9.405.215.873	10.658.626.270	14.760.127.632	15.237.449.503
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		29.875.492.066	18.402.975.168	61.025.733.182	19.748.816.988
31	12. Thu nhập khác	28	29.907.461	117.337.263	22.349.778	464.575.729
32	13. Chi phí khác	29	374.874.669	99.224.188	1.598.164.765	235.409.007
40	14. Lợi nhuận khác		(344.967.208)	18.113.075	(1.575.814.987)	229.166.722
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		29.530.524.858	18.421.088.243	59.449.918.195	19.977.983.710
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	4.438.212.240	2.939.665.210	9.922.075.901	3.467.015.731



CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

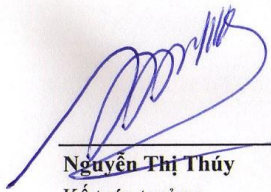
Báo cáo tài chính hợp nhất

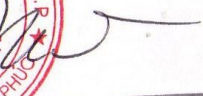
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2016	Từ 01/04/2015	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015	
			đến 30/06/2016	đến 30/06/2015	đến 30/06/2016	đến 30/06/2015	
			VND		VND	VND	VND
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		25.092.312.618	15.481.423.033	49.527.842.294	16.510.967.979	16.510.967.979
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		25.086.689.707	15.477.087.187	49.519.342.719	16.509.118.702	16.509.118.702
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		5.622.911	4.335.846	8.499.575	1.849.277	1.849.277


Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 27 tháng 07 năm 2016



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
			VND	VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		59.449.918.195 -	19.977.983.710 -
	5. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		32.997.005.240 -	15.143.060.379
03	- Các khoản dự phòng		-	4.696.600.750
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(10.549.245.168) -	(11.304.371.260)
06	- Chi phí lãi vay		14.185.283.174 -	21.316.270.407
08	12 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		96.082.961.441 -	49.829.543.986
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(107.440.319.494) -	76.190.209.264
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(235.091.969.245) -	152.849.848.294
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		92.690.637.334 -	(58.064.277.736)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		5.196.794.859 -	(5.265.503.662)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(13.783.891.015) -	(21.167.251.219)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.206.337.139) -	(1.808.556.765)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.065.920.000) -	(889.810.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(172.618.043.259) -	191.674.202.162
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(22.863.412.108) -	(18.028.392.376)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.676.348.099 -	650.325.269
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		10.000.000.000 -	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.263.688.196 -	9.897.602.607
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.923.375.813) -	(7.480.464.500)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ di vay		1.915.614.071.273 -	1.414.616.522.408
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.722.144.744.443) -	(1.571.163.390.165)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.184.000) -	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		193.464.142.830 -	(156.546.867.757)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		17.922.723.758	27.646.869.905
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		25.502.815.111	8.534.710.175
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>43.425.538.869</u>	<u>36.181.580.080</u>


Nguyễn Thị Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 27 tháng 07 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 375.997.100.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 375.997.100.000 đồng; tương đương 37.599.710 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột thép, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; Luyện gang, thép;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Kinh doanh lữ hành nội địa; quốc tế;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

Cấu trúc Tập đoàn

- Tổng số Công ty con: 01
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

- Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	99,94%	99,94%	Sản xuất tôn cán nguội và ống thép cỡ lớn

- Công ty có các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	28,60%	28,60%	Sản xuất thép chất lượng cao
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	Đầu tư kinh doanh bất động sản

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 34.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con: Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 60.700 m2 đất tại Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm;
- Quyền sử dụng 2.720 m2 đất tại Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m2 đất tại Phường Khai Quang và Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m2 tại Khu biệt thự nhà vườn, Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài do đó không trích khấu hao.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng (bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán). Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Theo Quyết định số 1397/QĐ-CT ngày 17/05/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức - VG PIPE được kế thừa toàn bộ ưu đãi đầu tư theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 và Quyết định số 1879/QĐ-UB ngày 19/05/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho dự án đầu tư Nhà máy sản xuất ống thép của Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp (SIMCO). Theo đó, Công ty được hưởng các ưu đãi sau:

- Được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm đầu (kể từ năm 2004) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo;
- Được giảm 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu.

Cũng theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 và Quyết định số 168/CT-QĐ ngày 21/05/2003 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty được miễn tiền thuế đất đến 04/12/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	327.394.698	500.738.916
Tiền gửi ngân hàng	43.098.144.171	25.002.076.195
	<u><u>43.425.538.869 /</u></u>	<u><u>25.502.815.111</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2016			01/01/2016				
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi sổ	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi sổ
				VND				VND
Đầu tư vào Công ty liên kết				97.614.854.375				93.228.709.584
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức (*)	Vĩnh Phúc	28,60%	28,60%	88.059.828.473	Vĩnh Phúc	39,64%	39,64%	83.782.608.611
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	9.555.025.902	Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	9.446.100.973
				97.614.854.375				93.228.709.584

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	28,60%	28,60%	Sản xuất thép chất lượng cao
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	Đầu tư kinh doanh bất động sản

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại	193.768.563.319	112.450.781.393
- Tổng Hợp Miền Bắc		
- Doanh nghiệp tư nhân Nam Châm	102.118.421.168	88.035.311.117
- Công ty Cổ phần Thép Tổng Hợp	26.152.205.424	34.486.001.583
- Các khoản phải thu khách hàng khác	121.542.350.909	110.678.529.151
	443.581.540.820	345.650.623.244
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Phải thu của khách hàng ngắn hạn	443.581.540.820	345.650.623.244
	443.581.540.820	345.650.623.244
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 33)	208.353.987	1.350.382.939

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền	1.091.211.111	-	1.336.482.222	-
Phải thu về bảo	1.388.532	-	6.357.533	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	22.928.427	-	22.278.525	-
Tạm ứng	1.639.504.180	-	11.919.382.079	-
Ký cược, ký quỹ	7.499.000.000	-	3.881.356.050	-
Phải thu khác	640.449.439	-	198.227.105	-
	10.894.481.689	-	17.364.083.514	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

7 . NỢ XẤU

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán	33.409.132.198	-	33.409.132.198	-
- Công ty TNHH Trường Quang	9.926.128.448	-	9.926.128.448	-
- Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thiên Phúc Lộc	23.483.003.750	-	23.483.003.750	-
	33.409.132.198	-	33.409.132.198	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	26.120.288.214	-	35.944.867.926	-
Nguyên liệu, vật liệu	287.130.349.706	-	67.584.777.661	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.988.724.954	-	11.349.981.334	-
Thành phẩm	109.801.835.180	-	82.152.518.474	-
Hàng hoá	1.594.205.702	-	3.511.289.116	-
	435.635.403.756	-	200.543.434.511	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

9 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản dở dang	46.127.591.120	26.815.009.675
Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh ⁽¹⁾	8.574.545.454	8.574.545.454
Dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh ⁽²⁾	18.230.076.663	18.226.976.663
Dự án Dây chuyền sản xuất tôn cuộn mạ kẽm (giai đoạn III)	19.309.481.445	
Chi phí quyền sử dụng đất Miền Nam	13.487.558	13.487.558
	<u>46.127.591.120</u>	<u>26.815.009.675</u>

(1) Chi phí chuyển nhượng hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh. Hiện tại dự án đang trong quá trình chờ các cơ quan chức năng phê duyệt quy hoạch bổ sung.

(2) Hợp tác đầu tư dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Việt Đức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2011 của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE và quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc. Các chi phí đã phát sinh chủ yếu là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng. Dự án đang trong thời gian chờ phê duyệt từ các cơ quan chức năng. Thông tin chi tiết về dự án xem tại thuyết minh số 18.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	133.104.828.309	259.973.443.710	25.083.639.282	1.598.574.718	419.760.486.019
- Mua trong năm	-	3.550.830.663	-	-	3.550.830.663
- Thanh lý, nhượng bán	-	(9.853.880.589)	(967.290.909)	-	(10.821.171.498)
Số dư cuối năm	133.104.828.309	253.670.393.784	24.116.348.373	1.598.574.718	412.490.145.184
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	41.479.138.268	139.787.657.328	10.004.761.921	1.158.513.189	192.430.070.706
- Khấu hao trong kỳ	3.277.624.667	26.458.071.892	2.815.263.279	271.851.602	32.822.811.440
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6.846.165.022)	(443.341.669)	-	(7.289.506.691)
Số dư cuối năm	44.756.762.935	159.399.564.198	12.376.683.531	1.430.364.791	217.963.375.455
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	91.625.690.041	120.185.786.382	15.078.877.361	440.061.529	227.330.415.313
Tại ngày cuối năm	88.348.065.374	94.270.829.586	11.739.664.842	168.209.927	194.526.769.729

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	18.219.064.829	103.425.000	18.322.489.829
Số dư cuối năm	18.219.064.829	103.425.000	18.322.489.829
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.894.109.479	103.425.000	2.997.534.479
- Khấu hao trong năm	174.193.800	-	174.193.800
Số dư cuối năm	3.068.303.279	103.425.000	3.171.728.279
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	15.324.955.350	-	15.324.955.350
Tại ngày cuối năm	15.150.761.550	-	15.150.761.550

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.782.303.501	5.810.875.624
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.154.057.288	1.783.543.082
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	20.337.992	76.565.930
	3.956.698.781	7.670.984.636
b) Dài hạn		
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	6.323.314.654	6.411.546.952
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	2.700.000.000	3.600.000.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	5.078.463.794	5.153.770.814
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	892.554.387	1.267.078.683
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	44.445.390
	14.994.332.835	16.476.841.839

13 . PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay dài hạn	120.000.000.000	130.000.000.000
	120.000.000.000	130.000.000.000

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2011-NQ-VGP ngày 16/10/2011 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2015-NQ-VGP ngày 05/01/2015 và Hợp đồng, các phụ lục hợp đồng, Công ty đồng ý cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay để đầu tư xây dựng nhà máy thép chất lượng cao. Thời hạn vay là 10 năm, lãi suất sẽ được áp dụng theo tỷ lệ lãi vay của các ngân hàng cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn ngân hàng	351.665.831.358	351.665.831.358	1.915.614.071.273	1.719.244.744.443	548.035.158.188	548.035.158.188
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên ⁽¹⁾</i>	<i>178.082.470.452</i>	<i>178.082.470.452</i>	<i>1.085.615.178.007</i>	<i>906.400.070.532</i>	<i>357.297.577.927</i>	<i>357.297.577.927</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên ⁽²⁾</i>	<i>99.703.408.077</i>	<i>99.703.408.077</i>	<i>469.481.949.338</i>	<i>476.664.721.082</i>	<i>92.520.636.333</i>	<i>92.520.636.333</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc ⁽³⁾</i>	<i>46.239.817.489</i>	<i>46.239.817.489</i>	<i>165.916.943.928</i>	<i>186.139.817.489</i>	<i>26.016.943.928</i>	<i>26.016.943.928</i>
<i>Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Vĩnh Phúc ⁽⁴⁾</i>	<i>13.724.500.000</i>	<i>13.724.500.000</i>	<i>194.600.000.000</i>	<i>136.124.500.000</i>	<i>72.200.000.000</i>	<i>72.200.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Vĩnh Phúc ⁽⁵⁾</i>	<i>13.915.635.340</i>	<i>13.915.635.340</i>	<i>-</i>	<i>13.915.635.340</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Vay nợ dài hạn đến hạn trả	6.900.000.000	6.900.000.000	2.900.000.000	2.900.000.000	6.900.000.000	6.900.000.000
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên</i>	<i>6.900.000.000</i>	<i>6.900.000.000</i>	<i>2.900.000.000</i>	<i>2.900.000.000</i>	<i>6.900.000.000</i>	<i>6.900.000.000</i>
	358.565.831.358	358.565.831.358	1.918.514.071.273	1.722.144.744.443	554.935.158.188	554.935.158.188
b) Vay dài hạn						
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên</i>	<i>24.279.903.850</i>	<i>24.279.903.850</i>	<i>-</i>	<i>2.900.000.000</i>	<i>21.379.903.850</i>	<i>21.379.903.850</i>
	24.279.903.850	24.279.903.850	-	2.900.000.000	21.379.903.850	21.379.903.850
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	<i>(6.900.000.000)</i>	<i>(6.900.000.000)</i>	<i>(2.900.000.000)</i>	<i>(2.900.000.000)</i>	<i>(6.900.000.000)</i>	<i>(6.900.000.000)</i>
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	17.379.903.850	17.379.903.850	(2.900.000.000)	14.479.903.850	14.479.903.850	14.479.903.850

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên bao gồm các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1509578/HĐTD ngày 30/06/2016 của Công ty cổ phần ống thép Việt Đức VGPIPE, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 370 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 30/06/2017, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2016 là 7,1%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: toàn bộ tiền thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản đã, đang và sẽ thế chấp, cầm cố, ký quỹ tại ngân hàng và các nguồn thu nhập khác.

Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2016/1853346/HĐHM ngày 30/06/2016 của Công ty cổ phần Thép Việt Đức, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 370 tỷ;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến 30/06/2017, theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng;
Lãi suất cho vay: được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2016 là 7,1%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp, cầm cố bằng tài sản của công ty theo các hợp đồng thế chấp tài sản kèm theo với tổng giá trị thế chấp là 46,38 tỷ đồng.

Nợ dài hạn đến hạn trả của Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HD ngày 25/12/2013, số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 3.300.000.000 đồng.

Nợ dài hạn đến hạn trả của Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HD ngày 10/02/2015, số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 3.600.000.000 đồng.

- (2) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên bao gồm các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng số 15.51.0168/2015-HĐTDHM/NHCT262-Ống thép Việt Đức ngày 29/07/2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thép, ống thép và các sản phẩm khác từ thép;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 20/07/2016, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng không quá 04 tháng;
- + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2016 là 6,9%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được đảm bảo bằng hàng hóa quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa kèm theo mà 2 bên đã ký kết.

Hợp đồng tín dụng số 15.51.0038/2015-HĐTDHM/NHCT262/THEPVIETDUC ngày 10/12/2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 90 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến 18/11/2016, theo từng giấy nhận nợ;

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

- + Lãi suất cho vay: lãi suất thực tế của số dư khoản tiền vay ngày 30/06/2016 là 6,9%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Toàn bộ tiền thu từ hoạt động kinh doanh, tài sản thế chấp, cầm cố, ký quỹ tại ngân hàng và các nguồn thu nhập hợp pháp khác.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 01815005/HĐTD ngày 30/06/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 70 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thép, ống thép và các sản phẩm khác từ thép;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng;
 - + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2016 là 7,0%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển và công nợ phải thu từ các khách hàng lớn theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 390.086/2016/HĐTD-LPBVP ngày 26/05/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và mở L/C, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng không quá 05 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2016 là 7,2%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng quyền đòi nợ phát sinh giữa Công ty với Cty CP XNK và TMTH Miền Bắc theo hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ đã được ký kết.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HD ngày 25/12/2013, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền ngân hàng tối đa cho vay: 25 tỷ;
 - + Mục đích vay: tiền vay được sử dụng cho dự án "Đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất tôn cuộn mạ kẽm nhúng nóng";
 - + Thời hạn cho vay: 72 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên trong đó ân hạn 09 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất cho vay thả nổi, tại thời điểm 31/03/2016 là 9,5%/năm;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: doanh thu chuyển qua tài khoản tiền gửi của Bên vay và tài sản thuộc dự án "Đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất tôn cuộn mạ kẽm nhúng nóng";
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 14.977.792.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 3.300.000.000 đồng.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1853346/HĐTD ngày 10/02/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 20 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: đầu tư cho dự án "Đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất tôn cán nguội mạ kẽm nhúng nóng (giai đoạn II);
 - + Thời hạn của hợp đồng: 72 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: có điều chỉnh, lãi suất tại 31/03/2016 là 10,5%/năm;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: doanh thu chuyển qua tài khoản tiền gửi của Bên vay và tài sản thuộc dự án "Đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất tôn cuộn mạ kẽm nhúng nóng (giai đoạn 2)";
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 6.402.111.850 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 3.600.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại Tổng Hợp Miền Bắc	85.266.489.152	85.266.489.152	59.109.193.116	59.109.193.116
- Công ty TNHH TEWOO (H.K)	-	-	19.007.361.582	19.007.361.582
- Doanh nghiệp tư nhân Nam Châm	23.273.335.008	23.273.335.008	1.065.553.940	1.065.553.940
- Công ty TNHH Khánh Dư	18.806.735.692	18.806.735.692	-	-
- Công ty CP Thương mại và Vận tải Việt Đức	4.084.563.930	4.084.563.930	8.833.147.921	8.833.147.921
- Phải trả các đối tượng khác	91.990.169.240	91.990.169.240	41.763.357.766	41.763.357.766
	223.421.293.022	223.421.293.022	129.778.614.325	129.778.614.325
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
- Phải trả người bán ngắn hạn	223.421.293.022	223.421.293.022	129.778.614.325	129.778.614.325
	223.421.293.022	223.421.293.022	129.778.614.325	129.778.614.325

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng		2.833.112.967	33.027.397.634	35.860.510.601		
Thuế Tiêu thụ đặc biệt						
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu			159.492.020	159.492.020		
Thuế Thu nhập doanh nghiệp		4.144.337.139	10.058.716.659	9.342.977.897		4.860.075.901
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm		4.144.337.139	9.922.075.901	9.206.337.139		4.860.075.901
- Thuế truy thu qua thanh tra thuế năm 2014 và 2015			136.640.758	136.640.758		
Thuế Thu nhập cá nhân		78.768.028	287.762.448	298.828.129		67.702.347
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất			3.311.700	3.311.700		
Các loại thuế khác			10.800.000	10.800.000		
		7.056.218.134	43.547.480.461	45.675.920.347	-	4.927.778.248

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	450.017.228	48.625.069
- Chi phí phải trả khác	4.018.330.991	2.689.915.641
	4.468.348.219	2.738.540.710

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	444.653.491	743.689.764
- Bảo hiểm thất nghiệp	571.660	1.303.660
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	36.177.233.623	179.107.623
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	284.055.628	
	36.906.514.402	924.101.047
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.063.334.700	1.745.054.700
- Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	18.468.000.000	18.468.000.000
	20.531.334.700	20.213.054.700

(*) Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh là khoản tiền đã nhận của đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/04/2011 về việc đầu tư Dự án Khu đô thị Việt Đức LEGEND CITY tại nút giao thông đường trục chính khu đô thị mới Mê Linh với quốc lộ 2A tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh phúc giữa Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (Bên A) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức (Bên B), theo đó: các bên thống nhất sử dụng tư cách pháp lý, hóa đơn, mã số thuế, tài khoản của Bên A trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, thành lập Ban điều hành Dự án để thay mặt các bên triển khai các thủ tục pháp lý, tổ chức quản lý kinh doanh và giám sát việc thực hiện hợp đồng; lợi nhuận sau thuế của Dự án được phân chia cho các bên theo tỷ lệ vốn đã góp, trong trường hợp cần thiết các bên sẽ phân chia sản phẩm của Dự án cho mỗi bên theo tỷ lệ vốn đã góp. Tổng vốn đầu tư dự kiến của dự án là 1.000 tỷ đồng, trong đó vốn tự có là 200 tỷ đồng (Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE góp 26% tương đương 52 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức góp 74% tương đương 148 tỷ đồng), vốn vay và huy động của các tổ chức cá nhân khác là 800 tỷ đồng.

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước tiền cho thuê Văn phòng	548.892.731	1.153.443.636
	548.892.731	1.153.443.636

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	20.882.164.713		48.844.842.617	651.631.717	498.196.262.254
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	45.904.176.321	4.286.647	45.908.462.968
Phân phối lợi nhuận năm 2015 - Công ty mẹ	-	-	-	2.705.398.581	-	(6.763.496.454)	-	(4.058.097.873)
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	-	-	(9.000.827.500)	-	(9.000.827.500)
Phân phối lợi nhuận năm 2015 - Công ty con	-	-	-	372.666.308	372.666.308	(1.863.331.540)	(699.186)	(1.118.698.110)
Ảnh hưởng do thanh lý Công ty con	-	-	-	-	-	-	(591.377.797)	(591.377.797)
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ biểu quyết tại Công ty con trong năm	-	-	-	522.522	-	1.947.309	(2.469.831)	-
Số dư cuối năm trước	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	23.960.752.124	372.666.308	77.123.310.753	61.371.550	529.335.723.942
Số dư đầu năm nay	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	23.960.752.124	372.666.308	77.123.310.753	61.371.550	529.335.723.942
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	49.519.342.719	8.499.575	49.527.842.294
Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	-	-	(36.003.310.000)	-	(36.003.310.000)
Số dư cuối năm nay	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	23.960.752.124	372.666.308	90.639.343.472	69.871.125	542.860.256.236

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2016	Tỷ lệ	01/01/2016	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của các cổ đông	360.033.100.000	95,75%	360.033.100.000	95,75%
- Ông Lê Minh Hải	28.575.000.000	7,60%	22.660.000.000	6,03%
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	23.624.990.000	6,28%	23.624.990.000	6,28%
- Các cổ đông khác	307.833.110.000	81,87%	313.748.110.000	83,44%
- Cổ phiếu quỹ	15.964.000.000	4,25%	15.964.000.000	4,25%
	375.997.100.000	100%	375.997.100.000	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.997.100.000	375.997.100.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	375.997.100.000	375.997.100.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	375.997.100.000	375.997.100.000
 d) Cổ phiếu	 <u>30/06/2016</u>	 <u>01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.599.710	37.599.710
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.596.400	1.596.400
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.596.400	1.596.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.003.310	36.003.310
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.003.310	36.003.310
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000
 e) Các quỹ công ty	 <u>30/06/2016</u>	 <u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	23.960.752.124	23.960.752.124
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	372.666.308	372.666.308
	<u>24.333.418.432</u>	<u>24.333.418.432</u>

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	371.483.427.359	357.229.521.267
Doanh thu bán thành phẩm	672.815.607.528	538.777.346.892
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.090.413.770	1.382.348.686
	<u>1.047.389.448.657</u>	<u>897.389.216.845</u>
 Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	 <u>833.120.911</u>	 <u>20.524.846.197</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	5.039.352.988	3.951.597.892
Hàng bán bị trả lại	318.246.586	811.902.130
Giảm giá hàng bán	48.710.000	67.353.464
	<u>5.406.309.574</u>	<u>4.830.853.486</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	353.526.203.054	352.442.178.517
Giá vốn của thành phẩm đã bán	622.685.214.274	492.809.289.656
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.743.367.358	1.225.327.651
	<u>977.954.784.686</u>	<u>846.476.795.824</u>

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	6.990.147.733	4.083.629.642
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	186.912.163
	<u>6.990.147.733</u>	<u>4.270.541.805</u>

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.578.077.393	9.665.581.640
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.591.227	91.257.562
	<u>5.582.668.620</u>	<u>9.756.839.202</u>

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	189.009.257	215.024.392
Chi phí nhân công	4.271.182.643	2.720.680.759
Chi phí khấu hao tài sản cố định	633.750.194	232.919.955
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.296.954.872	9.845.642.123
Chi phí khác bằng tiền	650.298.364	410.900.430
	<u>28.041.195.330</u>	<u>13.425.167.659</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	357.860.176	670.597.479
Chi phí nhân công	5.995.924.621	2.807.047.951
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.240.895.496	636.520.979
Thuế, phí, lệ phí	105.028.612	562.198.673
Chi phí dự phòng	-	4.696.600.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	753.087.406	473.499.402
Chi phí khác bằng tiền	952.419.562	812.161.036
	9.405.215.873	10.658.626.270

28 . THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	117.269.694
Thu nhập từ tiền phạt, tiền đền bù tổn thất	12.000.000	
Thu nhập khác	17.907.461	67.569
	29.907.461	117.337.263

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt hợp đồng kinh tế	365.726.619	99.064.398
Chi phí khác	9.148.050	159.790
	374.874.669	99.224.188

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	4.438.212.240 ✓	3.628.968.145
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(689.302.935)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.438.212.240	2.939.665.210
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	5.483.863.661	527.350.521
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.062.000.000)	(527.350.521)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	4.860.075.901 ✓	2.939.665.210

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	667.409.297.954	371.483.427.359	3.090.413.770	1.041.983.139.083	-	1.041.983.139.083
Chi phí bộ phận trực tiếp	622.685.214.274	353.526.203.054	1.743.367.358	977.954.784.686	-	977.954.784.686
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	44.724.083.680	17.957.224.305	1.347.046.412	64.028.354.397	-	64.028.354.397
Tổng chi phí mua TSCĐ	22.863.412.108	-	-	22.863.412.108	-	22.863.412.108
Tài sản bộ phận	691.976.170.154	405.737.488.529	49.899.307.664	1.147.612.966.347	-	1.147.612.966.347
Tài sản không phân bổ	-	-	-	252.543.794.291	-	252.543.794.291
Tổng tài sản	714.839.582.262	405.737.488.529	49.899.307.664	1.423.020.172.746	-	1.423.020.172.746
Nợ phải trả bộ phận	484.456.920.334	375.257.197.100	1.977.799.076	861.691.916.510	-	861.691.916.510
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	18.468.000.000	-	18.468.000.000
Tổng nợ phải trả	484.456.920.334	375.257.197.100	1.977.799.076	880.159.916.510	-	880.159.916.510

Theo khu vực địa lý

Hơn 90% hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/04/2016	Từ 01/04/2015
		đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
		VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ		833.120.911	20.524.846.197
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	161.548.811	19.705.882.016
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	671.572.100	818.964.181
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ		100.315.391	298.322.954
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	63.330.000	73.117.364
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	36.985.391	225.205.590
Lãi cho vay vốn		6.941.933.334	9.130.888.888
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	6.941.933.334	9.130.888.888

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu tiền hàng		208.353.987	1.350.382.939
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	20.460.642	1.231.251.360
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	187.893.345	119.131.579
Cho vay dài hạn		120.000.000.000	130.000.000.000
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	120.000.000.000	130.000.000.000
Phải thu lãi cho vay		1.091.211.111	1.336.482.222
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	1.091.211.111	1.336.482.222
Phải trả khác		18.468.000.000	18.468.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Công ty liên kết	18.468.000.000	18.468.000.000

(*) Tổng Giám đốc Công ty CP Thép và Vật tư Công Nghiệp là vợ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016; số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015.


Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 27 tháng 07 năm 2016